

Số: 1584/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 28 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Du lịch – Di tích lịch sử văn hóa Thắng cảnh cụm thác Dray Sáp – Gia Long, xã Đắk Sôr và xã Nam Đa, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng 2008;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD, ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Thông báo số 721-TB/TU ngày 14/11/2012 của Tỉnh ủy Đắk Nông về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về Quy hoạch Khu Du lịch – Di tích lịch sử văn hóa thắng cảnh thác Dray Sáp – Gia Long;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/500 Khu Du lịch – Di tích lịch sử văn hóa thắng cảnh thác Dray Sáp – Gia Long;

Xét Kết quả thẩm định số 04/KQTD-SXD ngày 25/9/2012 của Sở Xây dựng và đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Liên Thành tại Tờ trình ghi ngày 25/9/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Du lịch – Di tích lịch sử văn hóa Thắng cảnh cụm thác Dray Sáp – Gia Long, xã Đăk Sôr và xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông, với các nội dung chính như sau:

I. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa quy hoạch ngành du lịch của tỉnh cũng như quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện Krông Nô đã được duyệt, tổ chức không gian, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tạo cảnh quan đẹp liên hệ chặt chẽ với các khu chức năng lân cận đảm bảo tính hài hòa đồng bộ, hiệu quả và bền vững;
- Nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu khách tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh;
- Phục vụ cho công tác lập dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

II. Nội dung Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Du lịch – Di tích lịch sử văn hóa Thắng cảnh cụm thác Dray Sáp – Gia Long, xã Đăk Sôr và xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu quy hoạch.

a) **Phạm vi ranh giới:** Khu Du lịch – Di tích lịch sử văn hóa thắng cảnh cụm thác Dray Sáp – Gia Long có tứ giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Dray Sáp và Ea Na, huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk và lấy sông SêrêPôk làm đường ranh giới;
- Phía Nam giáp khoảnh 6, 7, 8 tiểu khu 1244 và khoảnh 4 tiểu khu 1246 Ban quản lý rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp thuộc địa giới hành chính xã Đăk Sôr và Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông;
- Phía Đông giáp với đập Thủy điện Buôn Kuốp thuộc địa giới hành chính xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông;
- Phía Tây giáp khoảnh 1, 3 tiểu khu 1244 Ban quản lý rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp thuộc địa giới hành chính xã Đăk Sôr, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

b) **Quy mô diện tích:** Tổng diện tích khu đất quy hoạch là 197,5 ha.

c) **Quy mô dân số.**

- Nhân viên cư trú ổn định : khoảng 200 người.
- Khách lưu trú vắng lại : khoảng 500 người.
- Khách du lịch giải trí : khoảng 6000 đến 8000 người.
- Khách tham quan mua sắm : khoảng 2000 người.

d) **Tính chất:** Là Khu du lịch – Di tích lịch sử văn hóa thắng cảnh cụm thác Dray Sáp – Gia Long, nhằm đáp ứng nhu cầu và phục vụ khách tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh, tận dụng cảnh quan thiên nhiên của thác nước, kết hợp với rừng sinh thái tự nhiên giàu thực vật hiện có. Từ đó, quy hoạch thành nhiều khu chức năng, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, phục vụ cho các hoạt động vui chơi

giải trí, các hoạt động thể dục, thể thao, các đoàn thực tập lâm sinh.

2. Chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

- Tầng cao trung bình: 2 tầng.
- Mật độ xây dựng trung bình: Tối đa không quá 20%.
- Cấp nước: 120-150 lít/ người/ ng.đ.
- Thoát nước: 100-135 lít/ người/ ng.đ.
- Cấp điện: 400KWh/người.năm

3. Quy hoạch sử dụng đất.

a) Bảng cân bằng đất đai.

STT	Tên loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất quy hoạch cho nhiều chức năng phục vụ du lịch	87,5	44,3
1	Đất công viên giải trí du lịch làng văn hóa các dân tộc	12,5	6,33
2	Đất khách sạn, nhà hàng, bungalow	15,0	7,59
3	Đất trung tâm đón tiếp, dịch vụ du lịch, nhà hành chính	10,0	5,06
4	Đất thể thao giải trí, hồ bơi công viên nước, sân tennis	15,0	7,59
5	Đất du lịch tâm linh tín ngưỡng	2,0	1,01
6	Đất kho bãi nội bộ	5,0	2,53
7	Đất giao thông đỗ xe	28,0	14,18
II	Đất rừng đặc dụng và rừng thuộc di tích thắng cảnh không khai thác sử dụng	80,0	40,51
III	Đất cảnh quan và mặt nước	30,0	15,18
1	Mặt nước sông Sê Rê Pôc	15,0	7,59
2	Đất cảnh quan thác Gia Long, thác Dray Sáp	15,0	7,59
Tổng cộng		197,5	100

b) Bảng thống kê đất xây dựng và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

ST T	Tên lô đất	Diện tích đất (m ²)	Mục đích SD	Diện tích sàn công trình (m ²)	Hệ số SĐĐ	Tầng cao tối đa	Tầng cao tối thiểu	Mật độ XD
1	A 1	2.766	Công chào, biểu tượng khu du lịch	250	0,1	3	1	10%
2	A 2	7.130	Trung tâm đón tiếp, nhà hàng, quán cà phê, cửa hàng mua sắm	2.618	0,36	2	1	18,3%
3	A 3	1.986	Tàu lượn siêu tốc, các trò chơi điện tử trong nhà	200	0,1	2	1	10%
4	A 4	2.355	Hồ bơi	1.355	0,5	1	1	57%

5	A 5	48.153	Vườn bách thú	3.200	0.06	1	1	6,7%
6	A 6	125.752	Khu thám hiểm thác	500	0.04	1	1	0,4%
7	A 7	648	Sân tennis	648	1.0	0	0	0%
8	A 8	6.868	Nhà nghỉ dạng Bungalow cụm 1	1.200	0.17	2	1	17,5%
9	A 9	2.902	Nhà hàng cao cấp ngắm thác	423	0.14	2	1	14,5%
10	A 10	24.380	Vườn hoa lan xen trong rừng tự nhiên	0	0	0	0	0%
11	B 1	22.932	Nhà hàng ăn nhanh, khu giải trí trong nhà, trung tâm mua sắm	3.412	0.15	2	1	7,4%
12	B2	73.675	Nhà ở các dân tộc Nam Tây Nguyên phục dựng	1.536	0.02	1	1	2%
13	B3	27.744	Sân lễ hội 5000 người	4.500	0	0	0	0%
14	B4	8.588	Nhà hành chính quản trị	764	0.09	2	1	9%
15	B5	7.000	Trung tâm hội nghị tiệc cưới	2.358	0.36	2	1	16,84%
16	B6	57.203	Vườn hoa trái cây rừng	0	0	0	0	0%
17	B7	64.635	Công viên nước	9.500	0.15	2	1	14,69%
18	B8	6.079	Công viên bách hoa		0.0	0	0	0,0%
19	B9	23.942	Khách sạn 3 sao 200 phòng	8.934	0.37	3	1	12,43%
20	B10	4.988	Nhà hàng khách sạn	1.113	0.22	2	1	22,3%
21	B11	1.603	Hồ bơi khách sạn	596	0.37	0	0	0%
22	B12	3.000	Trạm thám hiểm, thể thao mặt nước sông Sê Rê Pốc	150	0.05	0	0	5%
23	B13	3.793	Quán ba khách sạn, nhà đón tiếp-khu bungalow	423	0.11	1	1	11,1%
24	B14	28.301	Nhà nghỉ dạng Bungalow cụm 2	3000	0.16	2	1	10,6%
25	C1	2.000	Khu thám hiểm hang dơi		0.0	0	0	0%
26	C2	10.000	Khu tắm tiên ven sông		0.0	0	0	0%
27	C3	4.785	Nhà đón tiếp công Gia Long	673	0.14	2	1	14%

28	C4	14.310	Bãi đậu xe công Gia Long	14.310	0.0	0	0	0%
29	C5	2.000	Nhà hàng, quầy bar cà phê khu Gia Long	400	0.2	2	1	20%
30	C6	2.000	Trung tâm mua sắm khu Gia Long	400	0.2	2	1	20%
31	C7	12.262	Trung tâm phục hồi sức khỏe, trị liệu bùn khoáng nóng, massage	507	0.04	1	1	4.13%
32	C8	14.085	Nghà nghỉ dạng Bungalow cụm 3	1.680	0.12	2	1	11.92%
33	C9	37.399	Khu thám hiểm, nghỉ ngơi trong rừng ven thác Gia Long	240	0.0	0	0	0.6%
34	C10	1000	Chòi ngắm thác Gia Long	50	0,05	3	1	5%
35	C11	15.000	Vườn ươm cây lâm nghiệp	0	0	0	0	0%
36	C12	1.000	Trạm cứu hộ động vật hoang dã	100	0.1	1	1	10%
37	C13	1.000	Trung tâm truyền thông về bảo vệ rừng	100	0.0	1	1	10%
38	C14	1.000	Trung tâm nghiên cứu và bảo tồn rừng	100	0.1	1	1	10%

4. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan.

a) Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan.

- Quy hoạch trên cơ sở khai thác, tận dụng, phát huy các tiềm năng, lợi thế của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên, đặc điểm hiện trạng, lịch sử và địa lý tự nhiên để tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, xây dựng cơ sở vật chất nhằm bảo vệ môi trường, đạt hiệu quả về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan sinh động, xây dựng cải tạo, phát triển hài hòa gắn với tự nhiên, thân thiện với môi trường.

- Tôn trọng các điều kiện hiện trạng sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã và đang được triển khai trong khu vực nghiên cứu và các khu vực lân cận.

- Giải pháp kiến trúc, quy mô và bố cục và hình thức công trình phù hợp, tỷ lệ hài hòa giữa kiến trúc – con người – thiên nhiên, mang đậm bản sắc văn hóa địa phương.

- Vật liệu xây dựng: Sử dụng các loại vật liệu xây dựng tại địa phương phù hợp với đặc điểm xây dựng của dân cư bản địa như: gỗ, sỏi, đá, mái ngói, lá tre...

b) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.

Dựa vào điều kiện địa hình để tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật hợp lý, bố trí đầy đủ các khu chức năng, song hành với tuyến giao thông hiện hữu đến thác Gia Long, quan điểm chủ đạo là quy hoạch các khu dịch vụ, du lịch, giải trí, nằm tại các vị trí dọc theo dòng sông SêrêPôk. Phương án quy hoạch sẽ mở 1 tuyến đường giao thông chính chạy dọc theo ranh giới của dự án và gần như song song với dòng chảy của sông SêrêPôk. Theo tuyến giao thông đó, toàn bộ khu du lịch bao gồm 3 khu vực chính được bố trí như sau:

- Khu A là khu vực tiếp giáp với công vào chính của khu du lịch, tại khu A có các chức năng chính như đỗ xe, quảng trường tập kết du khách, nhà hàng, quán cà phê, quán ăn nhanh, các shop đồ lưu niệm, vườn bách thú, trò chơi tàu lượn siêu tốc, hồ bơi, sân tennis, khu nhà nghỉ dạng Bungalow cụm 1, vườn hoa lan trong rừng, khu tham quan thác Dray Sáp, cầu treo qua sông, các chòi nghỉ dưới lòng sông, ven thác...

- Khu B là khu trung tâm chính của khu du lịch, tại khu B có các hạng mục chính như nhà hàng ăn nhanh, trung tâm giải trí, mua sắm, khu phục dựng nhà ở của các dân tộc anh em vùng Nam Tây Nguyên, sân lễ hội 5000 người, nhà hành chính quản trị, trung tâm hội nghị tiệc cưới, vườn hoa trái cây rừng, công viên nước, khách sạn 3 sao 100 phòng, nhà hàng, quầy bar, hồ bơi khách sạn, khu nhà nghỉ dạng Bungalow cụm 2.

- Khu C là khu vực thác Gia Long và công sau của khu du lịch, tại khu C có các hạng mục chính như nhà đón tiếp công sau, nhà hàng, trung tâm mua sắm, giải trí, nhà nghỉ dạng Bungalow cụm 3, trung tâm phục hồi sức khỏe dạng tắm bùn khoáng nóng, tắm tiên, quán cà phê trong rừng, tháp ngắm cảnh thác Gia Long, khu thám hiểm hang dơi, các trung tâm truyền thông bảo vệ và cứu hộ động vật hoang dã, bãi đậu xe...

c) **Cây xanh công cộng.** Gồm các loại cây xanh công viên, vườn hoa..., chủng loại cây xanh, quy cách theo thuyết minh quy hoạch.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Quy hoạch giao thông.

- Tận dụng mạng lưới giao thông hiện hữu trong khu vực, phát triển mạng lưới đường nội bộ đảm bảo giao thông thông suốt trong toàn khu và nối kết với các tuyến đường hiện hữu. Tổng diện tích đất quy hoạch giao thông 280.000m².

- Các tuyến đường giao thông có mặt cắt ngang từ 1-1 đến 7-7 được đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn của đường giao thông nội thị, độ dốc dọc không quá 12%, kết cấu bê tông nhựa, lề đường lát gạch con sấu, terazo.

- Các tuyến đường nội bộ trong từng khu chức năng được thiết kế chủ yếu là bê tông đá, gạch block, gạch con sấu, bậc cấp đá hộc với độ dốc dọc bám theo địa hình tự nhiên.

Bảng thống kê các loại đường giao thông

STT	Ký hiệu tên đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Tổng chiều dài tuyến (m)
1	D1a -- ĐƯỜNG ĐI THÁC GIA LONG	4+5+5+4	18	280
2	D1b -- ĐƯỜNG ĐI THÁC GIA LONG	2+5+5+2	14	6.073

3	D2a – ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH	4+5+5+4	18	656
4	D2b – ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH	1+5+5+1	12	3.433
5	D3 – ĐƯỜNG NỐI CẦU BUỒN KUỐP	1+4+4+1	10	962
6	CV1-ĐƯỜNG CÔNG VIÊN	7	5-7	590
7	CV2-ĐƯỜNG CÔNG VIÊN	3-5	3-5	1.136
8	CV3-ĐƯỜNG CÔNG VIÊN	4	4	650
9	CV4-ĐƯỜNG CÔNG VIÊN	3-5	3-5	1.949
10	CV5 - ĐƯỜNG CÔNG VIÊN	8	8	574
11	CV6 – TRỤC QUẢNG TRƯỜNG	6+2+9+2+6	25	130

b) Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước : Sử dụng nguồn nước giếng khoan và xử lý trực tiếp tại 2 vị trí trong khu quy hoạch, bơm lên tháp chứa tạo áp tại vị trí giếng khoan, đảm bảo dung lượng và áp lực nước cung cấp. Xây dựng 01 bể nước ngầm 200m³ tại khu B và 01 bể nước ngầm 100m³ tại khu C dự trữ nước sinh hoạt phục vụ cho toàn khu.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước: Từ điểm lấy nước là tháp nước trạm giếng khoan mở tuyến ống cấp D100 vào đến từng hạng mục công trình. Tuyến ống D100 là tuyến cấp nước chung cho khu vực. Từ ống cấp nước chính D100 sẽ phát triển tuyến ống cấp D80 tạo thành một hệ thống cấp nước dạng mạch vòng và nhánh cho toàn khu vực. Lắp đặt một trạm bơm tăng áp tại vị trí giếng khoan để điều hòa áp lực cho toàn khu.

- Lưu lượng chữa cháy (TCVN 2622 – 1995) trên tuyến ống cấp nước D100 có đặt các họng chữa cháy D100 với bán kính phục vụ 150m.

Bảng tổng hợp khối lượng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	ỐNG PVC Ø100	m	2.920
2	ỐNG PVC Ø80	m	3.610
3	VAN KHÓA Ø100	cái	7
4	VAN KHÓA Ø80	cái	20

c) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện, công suất và mạng lưới điện.

+ Sử dụng nguồn điện đầu nối từ đường dây 22KV 3 pha 50 Hz hiện hữu trên tuyến chính đã có tại khu du lịch.

+ Đường dây trung thế ngầm cấp điện đến các trạm biến áp trong khu quy hoạch sử dụng cáp ngầm trung thế CXV/DSTA 24KV- 3x150mm².

+ Hệ thống trạm biến áp phân phối 22/ 0,4kv bao gồm 03 trạm với tổng công suất 1.160 KVA.

+ Mạng lưới hạ thế cấp điện đến các tủ phân phối chính dùng cáp đồng bọc cách điện 3x95mm² +1x65mm² chôn ngầm dưới đất.

- Chiếu sáng.

+ Dọc theo các trục giao thông và lối đi sân bãi, công viên dùng đèn Sodium

Hg 250W - 220V. Trụ đèn chiếu sáng dùng loại thép tráng kẽm cao 7,5m đến 9m, cần đèn sử dụng loại 1 hoặc 2 cần tùy vào vị trí cụ thể.

+ Bố trí hệ thống chiếu sáng công viên, sân bãi, các mảng xanh khác dự kiến trồng trụ đèn trang trí kiểu hoa văn đúc bằng gang cao 4m, sơn tĩnh điện màu đồng, mỗi trụ lắp 4 bộ đèn Metal-Halide 100W/220V.

d) Quy hoạch san nền thoát nước mưa.

* **San nền:** San nền đảm bảo thoát nước thuận tiện. Triệt để tận dụng địa hình tự nhiên, khối lượng đào đắp ít bảo đảm ít can thiệp vào hệ sinh thái và nước ngầm của khu vực và nâng cao tính kinh tế của đồ án. Đảm bảo các khu đất nằm trong quy hoạch không bị ngập lụt, thoát nước nhanh triệt để. Thuận lợi cho việc bố trí các công trình kiến trúc. Cao độ thiết kế nền được lựa chọn nhằm bảo đảm về yêu cầu thoát nước của công trình và phù hợp với cao độ khống chế chung của khu vực. Khai thác triệt để điều kiện cảnh quan địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ để xây dựng từng công trình. Riêng hệ thống đường sân bãi đậu xe được tổ chức đảm bảo cho xe ô tô lưu thông gắn kết được các công trình và sân bãi đậu xe. Toàn bộ khu quy hoạch được giữ đúng theo địa hình tự nhiên. Khi xây dựng công trình, sân, đường chỉ được san nền cục bộ.

Tổng hợp khối lượng san nền

STT	Khu vực san nền	Khối lượng đất đào (m ³)	Khối lượng đất đắp (m ³)
1	Khu A	12.000	6.000
2	Khu B	55.000	45.000
3	Khu C	1.000	500
4	Khối lượng đất bổ sung		10.000

* **Hệ thống thoát nước mưa:** Nước mưa trong lưu vực được thiết kế gom vào ống bê tông cốt thép đúc sẵn đặt ngầm để thu triệt để tránh ngập úng. Xây dựng tuyến ống D400 - D600 trong khu vực, dọc theo các tuyến giao thông và thoát xuống sông SêrêPôk tại các vị trí phù hợp. Tại các vị trí thoát nước xuống lòng sông có độ dốc lớn, thiết kế các kênh tiêu năng để thoát nước xuống sông.

Bảng tổng hợp khối lượng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống btct ly tâm ϕ 600	m	1.144
2	Ống btct ly tâm ϕ 400	m	4.270
3	Hố ga	cái	180

e) Quy hoạch chất thải rắn và vệ sinh môi trường

* **Thoát nước bẩn.**

Xây dựng hệ thống thoát nước bẩn riêng để thu nước thải bẩn đã được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, được tập trung vào hệ thống cống bê tông cốt thép ngầm D300 - 400 đến trạm xử lý nước thải khu vực để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra điếm cuối phía hạ lưu thác Dray Sáp. Thiết kế cống tự chảy đi qua tất cả

các nhà và công trình, tận dụng độ dốc địa hình để thiết kế cống, đảm bảo cống không chôn quá sâu.

Bảng tổng hợp khối lượng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống btct ly tâm $\phi 400$	m	810
2	Ống btct ly tâm $\phi 300$	m	2.270
3	Hố ga	cái	150
4	Trạm xử lý nước thải A200m ³ /B500m ³ /C100m ³ /ngay đêm.	Trạm	3

*** Vệ sinh môi trường.**

- Các khu chức năng và dọc các trục đường giao thông đều phải bố trí thùng rác công cộng, với hình thức phù hợp, hài hòa với cảnh quan.

- Hằng ngày, rác sinh hoạt của khu du lịch được thu gom toàn bộ, đưa về bãi trung chuyển nằm tại vị trí phía công khu A của khu du lịch, từ đó vận chuyển về bãi rác tập trung của khu vực.

f) **Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:** Phát triển mạng lưới cáp ngầm điện thoại. Hiện đại hoá mạng lưới thông tin liên lạc, đấu nối với hệ thống hạ tầng viễn thông khu vực. Mở rộng thông tin di động, mạng lưới truyền số liệu bưu chính. Sử dụng công nghệ truyền dẫn kỹ thuật số tiên tiến trong thiết kế hệ thống thông tin.

g) **Giải pháp tái định cư:** Bố trí tái định cư cho những hộ dân bị giải tỏa trong khu vực theo đúng quy định hiện hành.

h) **Phòng cháy chữa cháy, quản lý bảo vệ rừng và đánh giá môi trường chiến lược:** thực hiện theo nội dung thuyết minh đồ án.

i) Nguồn vốn, phân kỳ đầu tư.

- Sử dụng vốn của doanh nghiệp kết hợp các nguồn huy động hợp pháp.

- Phân kỳ đầu tư

DVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Giai đoạn 1 Từ tháng 9/2012 đến tháng 9/2015	Giai đoạn 2 Từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2017	Thành tiền (triệu đồng)
1	Xây dựng công trình	143.487	100.000	243.487
2	Xây dựng hệ thống giao thông	92.079		92.079
3	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	4.583		4.583
4	Xây dựng hệ thống thoát nước thải	4.794,5		4.794,5
5	Xây dựng hệ thống cấp nước	4.980		4.980
6	Xây dựng hệ thống cấp điện	16.736,5		16.736,5
7	Kinh phí chuẩn bị kỹ thuật, san nền	7.250		7.250

STT	Hạng mục	Giai đoạn 1 Từ tháng 9/2012 đến tháng 9/2015	Giai đoạn 2 Từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2017	Thành tiền (triệu đồng)
8	Kinh phí thiết bị công viên nước	15.000	5.000	20.000
9	Kinh phí thiết bị trò chơi công viên	15.000	5.000	20.000
	Tổng công kinh phí đầu tư xây dựng	303.910	110.000	413.910

Điều 2.

1. Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Liên Thành có trách nhiệm làm việc với UBND huyện Krông Nô và các Sở ngành liên quan:

- Tổ chức công bố quy hoạch được duyệt, triển khai cắm mốc giới theo đúng quy định;
- Ban hành Quy chế quản lý quỹ hoạch kiến trúc theo đúng quy định;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng. Trong bước triển khai dự án đầu tư xây dựng cần lưu ý:
 - + Các công trình xây dựng trong phạm vi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng phải đảm bảo thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.
 - + Giải pháp thiết kế kiến trúc diên hình phải hài hòa với cảnh quan thiên nhiên của thắng cảnh.

2. Giao Sở Xây dựng kiểm tra, hướng dẫn cho đơn vị trong các bước tiếp theo, nhằm triển khai hoàn thành dự án, đảm bảo đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển du lịch trên toàn tỉnh; định kỳ báo cáo cho UBND tỉnh tiến độ thực hiện dự án và đề xuất thu hồi chủ trương đầu tư nếu đơn vị không triển khai các bước thực hiện dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô; Giám đốc công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Liên Thành và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể ngày kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, VX, CNXD (V).

hec 20



CHỦ TỊCH

Lê Diễn